TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-8-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Huy Phong.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Hùng;
2. Ông Trương Văn Trường.

- **Thư ký phiên tòa**: ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:** bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 7 và ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Phan Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp BK, xã ĐT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: ông Phan Thanh P, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp BK, xã ĐT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày:

+ Về hôn nhân: tôi và ông Phan Thanh P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện TB (nay là thị xã TB), tỉnh Tây Ninh, ngày 26-8-2002. Sau khi ký kết hôn vợ chồng sống tại số nhà 431, tổ 15, ấp BK, xã ĐT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Nguồn gốc của căn nhà này do mẹ tôi cho vợ chồng đất (vợ chồng cùng đứng tên giấy đất) sau đó vợ chồng xây nhà ở. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, đã nhiều lần ngồi nói chuyện

với nhau để hòa giải nhưng không thành. Ông P không lo cho gia đình, không quan tâm tới vợ con mà còn ăn chơi gây nợ để tôi vừa phải lo gia đình còn phải trả nợ cho ông P. Do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông P.

+ Về con chung: có 02 con chung là chị Phan Thị Thanh N, sinh ngày 16-10-1993 và anh Phan Thanh Đ, sinh ngày 25-12-2002, các con đã thành niên có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phan Thanh P: trong quá trình giải quyết vụ án do ông P vắng mặt tại nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các các văn bản cần tống đạt cho ông Phước theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tống đạt thông báo, văn bản cho đương sự, giao thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát, đương sự đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định cho bà T được ly hôn ông P; các con chung đã thành niên có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung và nợ chung không đặt ra giải quyết; bà T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông P.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đây là vụ án "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: bà T và ông P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện TB (nay là thị xã TB), tỉnh Tây Ninh, ngày 26-8-2002. Nên hôn nhân giữa bà T và ông P là hợp pháp.

Theo bà T trình bày do quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẩn, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau

để hòa giải nhưng không thành. Ông P không lo cho gia đình, không quan tâm tới vợ con mà còn ăn chơi gây nợ để bà Tuyết vừa lo gia đình còn phải trả nợ cho ông P. Bà T thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với ông P.

Theo biên bản xác minh ngày 10-5-2023, ông Dương Hồng T - ấp đội trưởng ấp BK, xã ĐT, thị xã TB trình bày: vợ chồng bà T và ông P có mâu thuẫn về tiền bạc do ông P thường xuyên gây nợ bên ngoài. Gần đây ông P bán đất của cha ông P cho nhưng không đưa tiền cho vợ con trả nợ nên mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Ông P bỏ đi đâu không rõ, vắng mặt tại nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về từ tháng 4 năm 2023.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa bà T và ông P không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định trên.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông P trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông P.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung là chị Phan Thị Thanh N, sinh ngày 16-10-1993 và anh Phan Thanh Đ, sinh ngày 25-12-2002, các con đã thành niên có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: bà T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T về việc "Ly hôn" đối với ông Phan Thanh P.

1. Về hôn nhân: cho bà Phan Thị T ly hôn ông Phan Thanh P.

2. Về con chung: có 02 con chung là chị Phan Thị Thanh N, sinh ngày 16-10-1993 và anh Phan Thanh Đ, sinh ngày 25-12-2002, các con đã thành niên có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: bà Phan Thị T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: bà Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0027062 ngày 20 tháng 02 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

6. Bà Phan Thị T và ông Phan Thanh P có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Tx Trảng Bàng;
- Chi cục THADS Tx Trảng Bàng;
- UBND xã ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Huy Phong